

Số: 2325/NMĐSH1-KTATMT

Cần Thơ, ngày 21 tháng 10 năm 2025

V/v cung cấp báo giá “Gói thầu GT2024-201-BS 26 Mua sắm VTTT phần điện”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai “Gói thầu GT2024-201-BS 26 Mua sắm VTTT phần điện”. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:
 - Danh mục hàng hóa như Phụ lục đính kèm;
 - Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2024 trở lại đây, thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng.
 2. Tiến độ cung cấp: Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp sớm nhất để Nhà máy xem xét.
 3. Địa điểm giao hàng: NMNĐ Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP. Cần Thơ.
 4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
 5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 27/10/2025.
1. Phương thức gửi báo giá: yêu cầu các đơn vị gửi báo giá (file scan, có ký tên, đóng dấu đỏ của Công ty), qua thư điện tử theo các địa chỉ.
 2. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng KTATMT - NMNĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP Cần Thơ.

Email: damct@pvpgb.vn; sonpn@pvpgb.vn; khoitm@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; hanhhx@pvpgb.vn; giangtth@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐSH1 (để b/c);
- Phòng: TM, KHTC;
- Lưu VT, KT-ATMT (PNS).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chính

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm công văn số. 2325 / NMĐSH1-KTATMT ngày 21 /10/2025)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1.	Insulator Ring Heater	- Ring Type - Power Supply : 400V, 50Hz, 2Ph, AC supply - Rated Power : 1 kW - Material : Stainless Steel - Temperature Withstand : 200°C - Dimension: Ø600 mm - Terminal pin: Ø4 x 100mm - Terminal box: 100x50x75 mm - Application : Heating of Ceramic insulator - Terminal Box -1 with IP65 protection - mounted in Reflector plate	Châu Âu/OECD	3	PC	Nhà thầu có thể chào chính hãng Hamon hoặc tương đương
2.	Circuit Breakers (CB)	Type: BR2D10AC 10 AMP, 2P, D curve, 277/480 VAC -Ambient temperature: -25 °C to +55 °C -Storage temperature: -40 °C to +70 °C -Mechanical life: 10,000 switching cycles (ON / OFF) -Degree of protection acc. EN / IEC 60529: IP20 -Mounting: DIN-rail according to DIN EN 60715 35 mm -Lockability: The handle can be secured against manual switching in the on and off position by a lead seal. -Dimension (W*D*H): 35mm*(68,4+6)mm*105mm	Châu Âu/OECD	1	PC	Nhà thầu có thể chào chính hãng Weidmuller hoặc tương đương
3.	FAN	Type: R4D400-AD22-06 Motor: M4D094-HA Motor bearing: Ball bearing Phase: 3 Nominal voltage / VAC: 400V Frequency / Hz: 50/60 Speed / min-1: 1610	Châu Âu/OECD	1	PC	Nhà thầu có thể chào chính hãng EBM PAPST hoặc tương đương hoặc tương đương



		Power input / W: 750W Current draw / A: 1.44A Min. back pressure / Pa: 0 Min. ambient temperature / °C: -40 Max. ambient temperature / °C: 60 Starting current / A: 4.7 Maximum safe operating speed / min-1: 2070 Product conforming to standard: EN 60034-1 (2004); CE Mass: 8.75 kg Size: 400 mm Surface of rotor: Coated in black Material of impeller: Aluminium sheet Number of blades: 6 Direction of rotation: Clockwise, seen on rotor Type of protection: IP 54 Insulation class "F" Humidity class F4-1 Mounting position Any Condensate discharge holes None				
4.	INDOOR VOLTAGE TRANSFORMER	Type: DPI-104NT OPERATING VOLTAGE: 12 KV RATE POWER FREQUENCY WITHSTAND VOLTAGE (1 min): 28KV IMPULSE TEST VOLTAGE: 75KV NUMBER OF CORES: 2 RATE PRIMARY VOLTAGE: 11000/ $\sqrt{3}$ RATE SECONDARY VOLTAGE: 110/ $\sqrt{3}$, 190/ $\sqrt{3}$, 380/ $\sqrt{3}$ BURDEN: 50VA/50VA CLASS: 0.5 RATED FREQUENCY: 50/60 HZ RATE VOLTAGE FACTOR: 1.9/8H DIMENSION: 280X180X250 MM	Châu Âu/OECD	2	PC	*
5.	INDOOR TYPE CURRENT	Type: DAB-441A2 OPERATING VOLTAGE: 12 kV	Châu Âu/OECD	3	PC	*

	TRANSFORMER	RATE POWER FREQUENCY WITHSTAND VOLTAGE: 28kV IMPULSE TEST VOLTAGE: 75kV RATE PRIMARY CURRENT: 2000 A RATE CONTINOUS THERMAL CURRENT xIn: 1.2 RATE SECONDARY CURRENT: 1A RATE SHORT TIME THERMAL CURRENT (3S): 50k ARATE DYNAMIC CURRENT (3S): 125 k ANUMBER OF CORES: 2 RATED FREQUENCY: 50 Hz CURRENT RATIO: 200/1/1 BURDEN: 40VA CLASS: 1P DIMENSION: 184x468x280 mm				
6.	LOCK OUT RELAY	- Type: CLR-06-C - Lock-out relay - Control circuit voltage: 220 VDC - Coil resistance: 102 Ohm - Burden at Rated voltage: 2.1A - Number of contact: 06 NO , 06 NC - Contact rating: + Short time rating (A/sec): 100 + Interrupting rating resistative (A): 30 - High speed (8mS) control relay, electrical-trip and manual-reset - Dielectric withstanding volatge: AC 2200V/min - Insulation resistance: 100MΩ - Contact resistance: 10mΩ - Electrical lifespan: Resistative load, 2000 cycles at DC 48 ~ 250V 30A; AC 110 ~ 250V 30A - Mechanical lifespan: 100000 cycles at 3.5A - Ambient temperature & humidity: -20 ~ 55°C	Châu Âu/OECD	5	PC	*
7.	INTERFACE TRANSFORMER	Type: 430-0048B (EI 38/7.5) XFMR SAF ISOL -15% 216-251VAC+10% IEC/UL	Châu Âu/OECD	6	PC	*

		Primary voltage (1, 5) [V]: 240.0 Secondary voltage (6, 10) [V]: 4.7 Voltage tolerance [%]: -20 / +15 Secondary current [mA]: < 1.0 Frequency [Hz]: 45 .. 65 HV type test: 3 kV / 60s @ 50Hz HV routine test: 3 kV / 1 .. 6s @ 50Hz Insulation: Class B (130°C) Cooling: Natural convection Ambient temperature: 40°C				
8.	Fuse Fast	- Part Number: W516-0105 - Rate current: 5A - Rate voltage: 500V - Dimension: + Height: 3.2 cm + Width 0.64 cm + Depth 0.64 cm - Mounting Mode: Not rack-mountable	Châu Âu/OECD	10	PC	Nhà thầu có thể chào chính hãng GUTOR/SCHNEIDER hoặc tương đương
9.	AUXILIARY RELAY	- Product ID: NL22E (1SBC101003M5501) - Product Net Width: 44 mm - Product Net Depth / Length: 74 mm - Product Net Height: 74 mm - Product Net Weight: 0.34 kg - Number of Auxiliary Contacts NO: 2 - Number of Auxiliary Contacts NC: 2 - Rated Operational Voltage: Auxiliary Circuit 690 V - Rated Control Circuit Voltage (Uc): 50 Hz 220 ... 230 V - Rated Frequency (f): Supply Circuit 50 / 60 Hz - Long Description: N... contactor relays are used for switching auxiliary circuits and control circuits - Poles: 4-pole contactor relays (mechanically linked contact elements available) - Control circuit: AC operated with laminated magnet circuit - Accessories: a wide range of accessories is available. - Ambient Air Temperature: Close to:	Châu Âu/OECD	1	PC	*



		+Contactor for Storage -60 ... +80 °C +Near Contactor for Operation in Free Air (0.85 ... 1.1 Uc) -40 ... 55 °C +Near Contactor for Operation in Free Air (Uc) -40 ... 70 °C				
10.	Motor	Model: PCH45-120-EB075X6B-DS05; Motor 3 pha 0.75kW 4P RATIO 1:120 PEEJ075-4X6 - 380 V-50Hz-1.8A-1420 rpm - 400V-50Hz-1.8A-1425 rpm - 400V-60Hz-1.65A-1700 rpm - 400V-60Hz-1.65A-1700 rpm - Kiểu lắp đặt : IM B5 - IP55 - Class F - IP 55 - SERIAL NO.: WN02001	Châu Âu/OECD	1	PC	Nhà thầu có thể chào chính hãng SPG / KOREA
11.	Motor	Động cơ hộp số: G50BH121MVBR2C00 MSEMXX080-32C1C - Output speed min. 10,5 r/min - Output speed max. 54,5 r/min - Output speed 1 31,5 r/min - Ratio 47,679 - Output speed 54,5 r/min - Output speed at n21 10,5 - Output torque 231 Nm - Max. perm. start. torque -- Ma,1 206 Nm - Max. perm. start. torque -- Ma,2 226,6 Nm - Load capacity 0,89 - Rate voltage: 400 V - Main current: 2.8A - Power factor: 0.99	Châu Âu/OECD	2	PC	*



(*) Lưu ý: Các hàng hóa nêu trên là vật tư thay thế/spare part cho các thiết bị hiện hữu đang sử dụng tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt, kết nối, điều khiển cho thiết bị/hệ thống nêu trên), VTTT phải là hàng hóa chính hãng, đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu.

Yêu cầu khác:

- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP. Cần Thơ.
- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA) (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự.
 - + Cam kết bảo hành của bên bán: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất, tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu hàng hóa.

